

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2025
V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Việt
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Trần Thị Thu Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2024; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lữ Thị Mỹ L, sinh năm 1991;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: KDC C, thôn F, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lữ Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T có tình cảm, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, chị và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 05/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Anh T không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Cuộc sống chung giữa chị và anh T không hạnh phúc, chị và anh T không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay mà không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung Nguyễn Lữ Đức P, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống cùng với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Đức T nhưng anh T không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lữ Thị Mỹ L; cho chị Lữ Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Đức T;

+ Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Lữ Đức P, sinh ngày 10/12/2014 cho chị Lữ Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Lữ Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn Nguyễn Đức T. Trong vụ án này, bị đơn là anh T có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn F, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lữ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Đức T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lữ Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Theo chị L thì anh T không quan tâm đến gia đình, vợ, con; vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị L và anh T phân ai người đó sống, không quan tâm, chăm sóc gì lẫn nhau nên yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, anh T đã được Tòa án thông báo về việc chị L có yêu cầu ly hôn nhưng lại không hợp tác làm việc, bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến, yêu cầu của chị L và việc giải quyết vụ án của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị L và anh T là không có hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể nào kéo dài hơn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn Lữ Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Đức T là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, có căn cứ xác định: Chị Lữ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là Nguyễn Lữ Đức P, sinh ngày 10/12/2014. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến hiện tại thì con chung sinh sống cùng với chị L, anh T không có ý kiến gì về nuôi dưỡng con chung. Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cần giao con chung là cháu P cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét

[2.4] Về nợ chung: Chị L khai không có, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Chị Lữ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị L nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004490 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, các khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lữ Thị Mỹ L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Đức T

1.2 Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Lữ Đức P, sinh ngày 10/12/2014 cho chị Lữ Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng cho con.

- Anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét

1.4 Về nợ chung: Chị L khai không có, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét

2. Về án phí: Chị Lữ Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị L nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004490 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa